Ký bởi Vũ Thị Thu Cúc
Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 2019.03.27 08:10:48 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 819/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Quan trắc tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 81/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 21/2012/TT-BTNMT ngày 19/12/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 18/2011/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 ban hành quy định phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý trong các lĩnh vực quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; số 22/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 2968/QĐ-UBND ngày 23/12/2018 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 173/TTr-STNMT ngày 01/3/2019 và Giám đốc Sở kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 388 /TTr-SKHĐT ngày 15/3/2019

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án quan trắc tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên năm 2019 với những nội dung cơ bản, như sau:

1. Tên dự án: Quan trắc tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên năm 2019
2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên

3. Mục tiêu dự án:

- Tạo cơ sở dữ liệu về quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm phục vụ công tác điều tra quản lý, điều tra, quy hoạch tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

- Quan trắc mực nước, nhiệt độ, lấy mẫu phân tích chất lượng nước tại các công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất;

- Quan trắc mực nước, nhiệt độ, lấy mẫu phân tích chất lượng nước tại các công trình quan trắc tài nguyên nước mặt;

- Phục vụ quản lý tài nguyên nước bao gồm: Dự báo, cảnh báo diễn biến mực nước, chất lượng nước trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch, khai thác (cấp phép thăm dò, khai thác...) tài nguyên nước.

4. Địa điểm và phạm vi thực hiện:

- Quan trắc động thái, chất lượng nước mặt nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2019.

- Phạm vi thời gian:

+ Động thái nước: Thực hiện từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2019;

+ Chất lượng nước: Thực hiện quý II và quý IV năm 2019.

5. Nội dung thực hiện:

5.1. Lập nhiệm vụ quan trắc: Tổng hợp, phân tích tài liệu để tính khối lượng và dự toán kinh phí thực hiện.

5.2. Thực hiệc quan trắc tài nguyên nước dưới đất tại 23 điểm quan trắc (46 công trình).

- Đo mực nước, đo nhiệt độ: Chế độ, khối lượng quan trắc (1.495 lần đo), cụ thể:

+ 01 tháng mùa khô với chế độ đo 05 lần /tháng: Tổng số lần đo 115 lần;

+ 06 tháng mùa mưa với chế độ đo 10 lần/tháng: Tổng số lần đo 1.380 lần.

- Lấy mẫu phân tích: Tổng số 92 mẫu.

5.3. Thực hiện quan trắc nước mặt tại 03 điểm quan trắc:

- Đo mực nước: Chế độ, khối lượng quan trắc: 2.354 lần đo, cụ thể:

+ Điểm quan trắc nước không ảnh hưởng triều NMHY1: 642 lần đo;

+ Điểm quan trắc nước ảnh hưởng triều NMHY2 và NMHY3: 1.712 lần đo.

- Đo lưu lượng: Chế độ, khối lượng quan trắc: 98 lần đo, cụ thể:

+ Điểm quan trắc nước không ảnh hưởng triều NMHY1: 14 lần đo;

+ Điểm quan trắc nước ảnh hưởng triều NMHY2 và NMHY3: 84 lần đo.

- Lấy mẫu phân tích: Tổng số 06 mẫu.

6. Sản phẩm của dự án

6.1. Quan trắc động thái tài nguyên nước

6.1.1. Quan trắc (ngoại nghiệp)

- Nhật ký thực địa tài nguyên nước dưới đất: 46 quyển;
- Sổ ghi đo lưu lượng nước mặt: 98 quyển;
- Sổ quan trắc mực nước sông: 21 quyển;

6.1.2. Quan trắc (nội nghiệp)

- Nhật ký văn phòng: 46 quyển;
- Bản tin thông báo, dự báo tài nguyên nước hàng tháng: 7 bản tin;
- Dữ liệu kết quả quan trắc tài nguyên nước: 01 đĩa CD;

Báo cáo tổng kết dự án: 01 báo cáo.

6.2. Quan trắc chất lượng nước

6.2.1. Quan trắc hiện trường

- Mẫu nước mặt, nước dưới đất gửi cho phòng thí nghiệm: 98 mẫu;
- Hồ sơ về quan trắc lấy mẫu hiện trường: 02 bộ;

6.2.2 Phòng thí nghiệm

- Phân tích các chỉ tiêu theo kế hoạch: 02 bộ;
- Lập báo cáo quan trắc chất lượng nước cho từng đợt: 02 báo cáo
- Dữ liệu quan trắc chất lượng nước: 02 đĩa CD.

7. Tổng kinh phí thực hiện: 2.250.473.405.

(Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm linh năm đồng)

Trong đó:

- Thực hiện quan trắc tài nguyên nước:	1.957.784.607 đ
+ Quan trắc nước dưới đất (23 điểm):	922.728.472 đ
+ Quan trắc nước mặt (03 điểm):	699.853.525 đ
+ Lấy mẫu nước:	157.110.610 đ
+ Phân tích mẫu nước:	178.092.000 đ
- Chi phí quản lý chúng (4,5%):	88.100.307 đ
- Thuế VAT (10%):	204.588.491 đ

8. Nguồn vốn đầu tư: Kinh phí sự nghiệp môi trường tỉnh tại Quyết định số 2968/QĐ-UBND ngày 23/12/2018 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2019.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý điều hành dự án.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2019.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành có liên quan thực hiện quản lý đầu tư dự án quan trắc tài nguyên nước tỉnh Hưng Yên năm 2019 theo quy định hiện hành của nhà nước và của tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh
- Như điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV:TNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thế Cử